

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/KDTM- PT**

Ngày: 24/9/2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Các thẩm phán:*

Ông Trương Quốc văn

Bà Lê Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:**

Bà Lê Thu Hiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT- KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng H;

Địa chỉ: Số 15 đường Đ, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Quốc C- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn H – Chức vụ: Phó phòng tín dụng và chăm sóc thành viên - Ngân hàng H chi nhánh Thanh Hóa (Quyết định số 51/QĐ-NHHT ngày 05/5/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị), có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Bùi Thị S, sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 21 đường H, Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1959; vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 21 đường H, Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020, quá trình giải quyết vụ án đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/8/2011, Ngân hàng H chi nhánh Thanh Hóa (gọi tắt là ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số DH 420/HĐTD với bà Bùi Thị S, trên cơ sở hợp đồng thế chấp đã ký ngày 23/7/2010. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng H chi nhánh Thanh Hóa đã giải ngân cho bà Bùi Thị S vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 48 tháng; Lãi suất cho vay: 1.79%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng cho bên vay; Mục đích vay: Đầu tư trang thiết bị phục vụ kinh doanh. Phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng (theo hợp đồng tín dụng).

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là nhà đất tại: Tiểu khu 6, thị trấn H (mới là tiểu khu 1, thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích 178m<sup>2</sup> được minh chứng bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950753 do UBND Huyện H cấp ngày 13/7/2006 đứng tên ông Nguyễn Đức S. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/HĐTC ký ngày 23/7/2010.

Từ khi vay đến ngày 20/7/2020 bà Bùi Thị S không trả lãi vay mà chỉ trả được nợ gốc là 05 lần tổng cộng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà S và ông S, nhưng bà S và ông S vẫn cố tình không trả nợ. Tính đến ngày 21/7/2020 bà Bùi Thị S còn nợ lại Ngân hàng H chi nhánh Thanh Hóa số tiền gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi trong hạn là 86.870.033đ (Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm ba mươi ba đồng), lãi quá hạn 223.992.280đ (Hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng); Tổng cộng gốc và lãi là 480.862.313đ (Bốn trăm tám mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng).

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi chót đến ngày 21/7/2020 với tổng là 480.862.313đ (Bốn trăm tám mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng) và lãi phát sinh về sau theo hợp đồng của số nợ gốc đến ngày thanh tất toán hợp đồng, lý do Ngân hàng yêu cầu ông S và bà S phải có trách nhiệm trả nợ vì ông S và bà S là vợ chồng, việc vay nợ để sửa chữa và mua sắm thiết bị kinh doanh cho hộ gia đình, ông S là người biết việc này, cơ sở kinh doanh đứng tên cá nhân đại diện cho hộ gia đình là ông Nguyễn Đức S hiện cơ sở này vẫn hoạt động bình thường có xác nhận của chính quyền địa phương, ông S và bà S dùng giấy Đăng ký kinh doanh này để vay ngân hàng nhiều lần, và được hưởng ưu đãi từ chính sách của Ngân hàng đối với các hộ kinh doanh cá thể,

do có giấy tờ này nên ngân hàng mới tin tưởng cho vay, chính bản thân ông S năm 2010 còn lập phương án kinh doanh và kế hoạch trả nợ trong lần vay đầu tiên.

Trong trường hợp bà S và ông S không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 629-1 tờ bản đồ số 03 diện tích là 178m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện H cấp năm 2006 là tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

*Bị đơn bà Bùi Thị S trình bày:* Bà Bùi Thị S công nhận Ngày 31/8/2011 có vay ngân hàng H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) đã được giải ngân và nhận tiền vay, lãi suất như trong hợp đồng tín dụng đã ký, thời hạn vay 48 tháng, bà S mới trả được cho ngân hàng được 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do làm ăn khó khăn bà đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi, bà S sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là đảm bảo khoản vay năm 2010 bà S đã thanh toán xong với Ngân hàng, khoản vay ngân hàng đang khởi kiện không liên quan gì đến ông Sơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức S trình bày:* Năm 2010 ông Nguyễn Đức S và bà Bùi Thị S có vay ngân hàng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vay có đảm bảo là trích lục đất đứng tên ông Nguyễn Đức S, bảo đảm khoản vay 01 năm, sau thời gian bà S đã trả cho Ngân hàng. Việc vay nợ ngày 31/8/2011 giữa bà S và Ngân hàng ông S không biết, không có thỏa thuận gì, thời gian bà S vay tiền vợ chồng ông S và bà S đang trực trặc về gia đình, vợ chồng đang ly thân, ông S cho rằng ông không vay nên không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

**\* Tại Bản án số: 03/2020/KDTM-ST Ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 25; Điều 27, khoản 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H Chi

nhánh Thanh Hóa, số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số DH 420/HĐTD ngày 31/8/2011 số tiền gốc còn lại là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*); Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đến ngày xét xử (Ngày 21/7/2020) gồm: Nợ tiền lãi trong hạn là 86.870.033đ (*Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn 223.992.280đ (*Hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng*); Tổng cộng gốc và lãi là 480.862.313đ (*Bốn trăm tám mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng hợp tác cho vay thì lãi suất mà bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng hợp tác theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo thông báo về lãi suất của Ngân hàng hợp tác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 28/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo, với nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H về tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 629-1, tờ bản đồ số 03, diện tích là 178m<sup>2</sup>, địa chỉ thị trấn H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950753 do UBND Huyện H cấp ngày 13/7/2006 đứng tên ông Nguyễn Đức S. Theo hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ký ngày 23/7/2010.

\* Ngày 12/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị Bản án số 03/2020/KDTM-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm vì vi phạm lời tuyên, vi phạm đối với phần xác định chủ thể thụ hưởng và vi phạm về xử lý tài sản thế chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút kháng cáo. Viện kiểm sát không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: về kháng nghị: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; về kháng cáo: Chấp nhận kháng cáo

của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm. Về án phí: nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[1.1]. Vi phạm lời tuyên: Nội dung khởi kiện của Ngân hàng H buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng và đề nghị xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên, Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng "...Buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng gồm: Nợ gốc: 170.000.000đ; Lãi trong hạn: 86.870.033đ; Lãi quá hạn: 223.992.280đ.

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì phần nhận định bản án có nêu, nhưng phần quyết định của bản án lại không quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự quy định bản án sơ thẩm: "*c. Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án....*". Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không tuyên nội dung yêu cầu đề nghị xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong phần quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận là không đúng pháp luật.

[1.2]. Vi phạm đối với phần xác định chủ thể thụ hưởng:

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: "1. ... Buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho "*Ngân hàng H - chi nhánh Thanh Hoá*".

Xét thấy Ngân hàng H là nguyên đơn khởi kiện đối với bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S. Nhưng Tòa án lại tuyên buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H - chi nhánh Thanh Hoá gồm: Nợ gốc: 170.000.000đ; Lãi trong hạn: 86.870.033đ; Lãi quá hạn: 223.992.280đ theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng là không có căn cứ. Vì, Ngân hàng H - chi nhánh Thanh Hoá, chỉ là một chi nhánh và thực hiện theo ủy quyền của Ngân hàng H. Theo quy định tại khoản 1, Điều 84 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: "*Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân*".

Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên cho Ngân hàng H - chi nhánh Thanh Hoá được thụ hưởng như trên là không đúng quy định của pháp luật.

[1.3]. Vi phạm về xử lý tài sản thế chấp trong vụ án:

Bản án nhận định: " Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp ngày 23/7/2010 bà Bùi Thị S đã vay Ngân hàng 01 lần vay 200.000.000đ và đã được thanh lý xong hợp đồng vay trước khi vay ngày 31/8/2011. Theo nguyên tắc sự thỏa thuận của các bên tại khoản 2, Điều 1 Hợp đồng thế chấp ngày 23/7/2010 ông Sơn, bà S và Ngân hàng có giá trị đảm bảo cho một khoản vay lần đầu, Hợp đồng thế chấp này chỉ coi là một sự ủy quyền giữa ông S và bà Suốt, trường hợp vay lần 2 phải được sự đồng ý của ông S về việc dùng tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay hoặc ông S là người ký cùng vay mới đảm bảo quyền lợi của những người có tài sản. Do không có sự thỏa thuận lại, chưa được sự đồng ý của ông Sơn, bà S dùng tài sản này để thế chấp khoản vay lại với Ngân hàng là vi phạm về hình thức và nội dung mặc dù vay lần 2 ngày 31/8/2011 bà S cũng vay để đầu tư sửa chữa phòng hát, nên yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên quyền sử dụng đất tại thửa số 629-1, tờ bản đồ số 03 diện tích đứng tên hộ ông (bà) Nguyễn Đức S do UBND huyện H cấp năm 2006 là tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ chấp nhận, đây là lỗi kỹ thuật trong lĩnh vực hợp đồng vay và ủy quyền giữa Ngân hàng và khách hàng chưa đảm bảo nên Ngân hàng phải chịu khi xảy ra tranh chấp".

Xét thấy: Theo Điều 8 của Quyết định số 217/QĐ-NH1 ngày 17/8/1996 về việc ban hành quy chế thế chấp, cầm cố tài sản và bảo lãnh vay vốn Ngân hàng quy định. Thời hạn thế chấp, cầm cố và bảo lãnh: " Thời hạn của mỗi lần thế chấp, cầm cố, bảo lãnh tính từ ngày ký hợp đồng thế chấp, cầm cố bảo lãnh đến ngày chấm dứt thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh (bằng hoặc dài hơn thời hạn cho vay đã ghi trên hợp đồng tín dụng)". Theo Điều 344 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định. Thời hạn thế chấp: " Các bên thỏa thuận về thời hạn thế chấp tài sản; nếu không có thỏa thuận thì việc thế chấp có thời hạn cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp". Theo khoản 2, Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số 01 SONSUỐT/HĐTC ngày 23/7/2010 giữa ông Nguyễn Đức S và bà Bùi Thị S với Quỹ tín dụng trung ương chi nhánh Thanh Hóa quy định: " 2. Nghĩa vụ được bảo đảm là: Nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí (nếu có) theo các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa bà Bùi Thị S với Quỹ tín dụng trung ương chi nhánh Thanh Hóa".

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ chấp nhận.

[2]. Kháng cáo của nguyên đơn:

Về đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 629-1, tờ

bản đồ số 03 tại địa chỉ Tiểu khu 6, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, mang tên hộ ông Nguyễn Đức S, theo Hợp đồng thế chấp số số 01/SONSUÔT/HĐTC ngày 23/7/2010.

Nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng H, đã được phân tích tại phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng H là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của Ngân hàng H được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Căn cứ vào Điều 280; khoản 2 Điều 292; 299; 317; 320; 323; 463; 466; 468 Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 25; Điều 27, khoản 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H về lời tuyên và xử lý tài sản thế chấp.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S.

- Buộc bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Đức S phải trả cho Ngân hàng H số tiền gốc là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*); Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đến ngày xét xử (Ngày 21/7/2020) gồm: Nợ tiền lãi trong hạn là 86.870.033đ (*Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn 223.992.280đ (*Hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng*); Tổng cộng gốc và lãi là 480.862.313đ (*Bốn trăm tám mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng*).

Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Trong trường hợp bà S và ông S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng H có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự

huyện H, tỉnh Thanh Hóa kê biên tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 629-1, tờ bản đồ số 03, diện tích là 178m<sup>2</sup>, địa chỉ thị trấn H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950753 do UBND Huyện H cấp ngày 13/7/2006 đứng tên ông Nguyễn Đức S. Theo hợp đồng thế chấp số 01 SƠNSUỐT/HĐTC ký ngày 23/7/2010.

2. Về án phí: Ngân hàng H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng H số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 5774 ngày 29/7/2020 và biên lai thu số 5792 ngày 01/9/2020 của Chi cục THADS huyện H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Thị Thủy**